



越南台灣商會聯合總會 台越投資促進委員會



法規新知

Điểm tin Pháp luật

標題	越南承認在國外的結婚登記嗎？
Tiêu đề	ĐĂNG KÝ KẾT HÔN Ở NƯỚC NGOÀI CÓ ĐƯỢC CÔNG NHẬN Ở VIỆT NAM?
編撰	段晉達 律師
Người soạn	Luật sư Đoàn Tấn Đạt
涉及範圍	婚姻家庭法、戶籍法
Phạm vi liên quan	Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Hộ tịch

越南承認在國外的結婚登記嗎？

ĐĂNG KÝ KẾT HÔN Ở NƯỚC NGOÀI CÓ ĐƯỢC CÔNG NHẬN Ở VIỆT NAM?

法律依據：2014 年婚姻家庭法、2014 年戶籍法、2015 年 11 月 15 日第 123/2015/NĐ-CP 號議定、2023 年 12 月 29 日第 07/2023/TT-BNG 號通知。

Cơ sở pháp lý: Luật Hôn nhân và gia đình 2014, luật Hộ tịch 2014, Nghị định Số: 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015, Thông tư Số: 07/2023/TT-BNG ngày 29/12/2023.

1. 越南承認在國外的結婚登記嗎？

Đăng ký kết hôn ở nước ngoài có được công nhận tại Việt Nam?

根據現行越南婚姻家庭法規，越南人在國外辦理結婚登記手續後，其婚姻在越南不會自動被承認。若想要取得越南對婚姻關係的承認，則須要依照法律規定辦理婚姻記錄手續。

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân gia đình Việt Nam hiện nay, khi một người Việt Nam đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn ở nước ngoài sẽ không đương nhiên được công nhận việc kết hôn đó tại Việt Nam. Để được Việt Nam công nhận quan hệ hôn nhân thì cần phải thực hiện thủ tục ghi chú kết hôn theo quy định.

2. 什麼是婚姻記錄？

Ghi chú kết hôn là gì?

婚姻記錄係指越南主管機構在戶籍簿上記錄越南公民已在國外辦理結婚登記的程序。

Ghi chú kết hôn là thủ tục mà cơ quan có thẩm quyền Việt Nam ghi vào Sổ hộ tịch việc đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại nước ngoài.

越南承認在國外的結婚登記嗎？

ĐĂNG KÝ KẾT HÔN Ở NƯỚC NGOÀI CÓ ĐƯỢC CÔNG NHẬN Ở VIỆT NAM?

3. 婚姻記錄之意義？

Ý nghĩa của việc ghi chú kết hôn?

越南公民在外國主管機構登記結婚後，需要在越南辦理婚姻記錄手續，以確保：

Sau khi công dân Việt Nam thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì cần thực hiện thủ tục ghi chú kết hôn tại Việt Nam để đảm bảo:

- 越南機構承認越南公民與外國結婚證書上所記載的外國人之間的配偶關係。

Cơ quan Việt Nam công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài có tên trong giấy đăng ký kết hôn nước ngoài.

- 如果夫妻倆不辦理婚姻記錄，則擁有越南配偶的外國人將難以申請簽證、無法取得暫住證或永久居留證，從而影響日常的生活和勞動需求。

Nếu hai vợ chồng không ghi chú kết hôn thì người nước ngoài sẽ gặp khó khăn trong việc xin visa, không làm được thẻ tạm trú, thẻ thường trú dành cho người nước ngoài có vợ/chồng tại Việt Nam từ đó ảnh hưởng đến những nhu cầu sinh hoạt, lao động,... trong đời sống hằng ngày.

- 完成需要在越南出示結婚證書之程序，例如在越南為孩子辦理出生證明，在越南買賣夫妻倆的共同財產等。

Hoàn tất các thủ tục yêu cầu phải xuất trình giấy đăng ký kết hôn tại Việt Nam như làm giấy khai sinh cho con tại Việt Nam, mua bán tài sản chung của hai vợ chồng tại Việt Nam,...

- 可以在越南辦理離婚手續。

Có thể thực hiện thủ tục ly hôn tại Việt Nam.

例如：當夫妻倆居住在國外但不再和睦相處時，一方返回越南辦理離婚手續，但由於尚未在越南辦理婚姻記錄手續，離婚解決必須在國外進行，這將產生許多費用、時間和精力。

Ví dụ: khi hai vợ chồng đang sống ở nước ngoài, nhưng không hòa thuận nữa, một bên trở về Việt Nam làm thủ tục ly hôn nhưng do chưa thực hiện thủ tục ghi chú kết hôn tại Việt Nam nên việc giải quyết ly hôn đành phải thực hiện ở nước ngoài, điều này sẽ phát sinh nhiều chi phí, thời gian, công sức.

越南承認在國外的結婚登記嗎？

ĐĂNG KÝ KẾT HÔN Ở NƯỚC NGOÀI CÓ ĐƯỢC CÔNG NHẬN Ở VIỆT NAM?

4. 辦理婚姻記錄之條件

Điều kiện để ghi chú kết hôn

越南公民之間或越南公民與外國人之間的聯婚，如果在結婚時雙方皆符合婚姻條件且不違反越南婚姻家庭法所規定的禁止條款，並經外國主管機構解決後，將記錄在戶籍簿中。

Việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với nhau hoặc với người nước ngoài đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài được ghi vào Sổ hộ tịch nếu tại thời điểm kết hôn, các bên đáp ứng đủ điều kiện kết hôn và không vi phạm điều cấm theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

若在外國主管機構登記時，該婚姻不符合結婚條件，但不違反婚姻家庭法規定的禁止條款，且在請求對戶籍簿記錄結婚事宜時已克服相關後果，或記錄結婚是為了保護越南公民和兒童的權利，則該婚姻也可記錄在戶籍簿中。

Nếu vào thời điểm đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, việc kết hôn không đáp ứng điều kiện kết hôn, nhưng không vi phạm điều cấm theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng vào thời điểm yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn, hậu quả đã được khắc phục hoặc việc ghi chú kết hôn là nhằm bảo vệ quyền lợi của công dân Việt Nam và trẻ em, thì việc kết hôn cũng được ghi vào Sổ hộ tịch.

5. 辦理婚姻記錄手續之文件、程序以及主管機構

Hồ sơ, thủ tục và cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục ghi chú kết hôn

a. 文件 / Hồ sơ

婚姻記錄文件由婚姻其中一方向主管機構提交：

Hồ sơ ghi chú kết hôn do một trong hai bên kết hôn nộp tại cơ quan có thẩm quyền:

- 依規定之申請表單；
Tờ khai theo mẫu quy định;
- 由外國主管機構核發之結婚證書副本；
Bản sao Giấy tờ chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp;
- 男方和女方之身分證件副本；
Bản sao giấy tờ tùy thân của cả hai bên nam, nữ;
- 如果越南公民已在外國主管機構辦理離婚或解除婚姻關係，則必須提交離婚證摘錄。
Nếu công dân Việt Nam đã ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì phải nộp Trích lục ghi chú ly hôn.

越南承認在國外的結婚登記嗎？

ĐĂNG KÝ KẾT HÔN Ở NƯỚC NGOÀI CÓ ĐƯỢC CÔNG NHẬN Ở VIỆT NAM?

5. 辦理婚姻記錄手續之文件、程序以及主管機構

Hồ sơ, thủ tục và cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục ghi chú kết hôn

b. 解決期限

Thời hạn giải quyết

- 資格驗證：自司法部收到文件之日起5個工作日。如果需要核實，解決期限不超過10個工作日。

Xác minh đủ điều kiện: 05 ngày làm việc, kể từ ngày Phòng Tư pháp tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.

- 錄入戶籍簿：自依規定收到完整有效的文件並符合法律規定的條件之日起12天內：
(i) 負責戶籍的公務員錄入戶籍簿。司法部向縣級人民委員會主席報告，向請求人核發摘錄；或 (ii) 領事幹部錄入戶籍簿。代表機構負責人簽署並向請求人核發婚姻記錄的正本摘錄。

Ghi vào sổ hộ tịch: Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật: (i) Công chức làm công tác hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch. Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trích lục cho người yêu cầu; Hoặc (ii) cán bộ lãnh sự ghi vào Sổ hộ tịch. Thủ trưởng Cơ quan đại diện ký, cấp bản chính Trích lục ghi chú kết hôn cho người yêu cầu.

c. 接收文件之機構

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ

越南公民居住之縣級司法部門或越南公民居住之領事代表機構。

Phòng tư pháp cấp huyện nơi công dân Việt Nam cư trú hoặc Cơ quan đại diện ở khu vực lãnh sự nơi công dân Việt Nam cư trú.



聯絡方式 / Liên lạc chúng tôi



越南台灣商會聯合總會

投資經營勞工委員會 孔祥平主委

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com